

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 9 năm 2026

**TIN LŨ KHẨN CẤP TRÊN SÔNG BƯỞI, SÔNG YÊN  
TIN LŨ TRÊN SÔNG LÈN  
TIN CẢNH BÁO LŨ TRÊN SÔNG MÃ, SÔNG CHU  
TỈNH THANH HÓA**

**1. Hiện trạng mực nước:**

Mực nước lũ trên các sông đã đạt đỉnh và đang xuống chậm, riêng hạ lưu sông Bưởi lên chậm.

Mực nước lúc 01h ngày 18/9 tại một số điểm như sau:

Trên sông Mã tại TV Cẩm Thủy là 16.37m dưới BĐ1 là 1.13m, tại TV Lý Nhân là 9.88m, trên BĐ1 là 0.38m, tại TV Giàng là 5.14m, dưới BĐ2 là 0.36m;

Trên sông Chu tại TV Cửa Đạt là 28.02m, trên BĐ1 là 0.02m, TV Bái Thượng là 13.84m dưới BĐ1 là 1.16m, tại TV Xuân Khánh là 7.64 dưới BĐ1 là 1.36m;

Trên sông Bưởi tại TV Thạch Quảng là 17.16m, trên BĐ3 là 1.16m, tại TV Kim Tân là 13.83m, trên BĐ3 là 1.83m; Trên sông Âm tại TV Lang Chánh là 48.72m, trên BĐ1 là 0.22m;

Trên sông Yên tại TV Chuối là 4.07m, trên BĐ3 là 0.57m;

Trên sông Lèn tại TV Lèn là 5.55m, dưới BĐ3 là 0.45m.

**2. Dự báo, cảnh báo:**

**Trong 24h tới:**

Mực nước trên các sông tiếp tục xuống mức BĐ1, dưới BĐ1, riêng sông Yên còn trên mức BĐ2.

Lũ hạ lưu sông Bưởi tiếp tục lên chậm, tại trạm thủy văn Kim Tân mực nước đỉnh lũ có khả năng đạt 13,85 m vào khoảng 2-4h ngày 18/9, trên mức BĐ3 là 1,85 m.

(Mực nước dự báo chi tiết tại các vị trí xem Bảng phụ lục 1).

Đề phòng nguy cơ cao xảy ra ngập lụt tại các vùng trũng thấp, khu vực ven sông, khu dân cư và đô thị, đặc biệt tại các xã/phường được nêu trong Bảng phụ lục 2.

**3. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do lũ: Cấp 2 – 3.**

4. Cảnh báo tác động của lũ:

Lũ có thể gây ngập lụt các vùng trũng thấp ven sông, khu công nghiệp, khu đô thị ảnh hưởng tới các hoạt động giao thông, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp, dân sinh, các hoạt động kinh tế - xã hội.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 09h00 ngày 18/9/2026

Tin phát lúc 03h30 ngày 18/9/2026.

Dự báo viên: Nguyễn Thị Hoa

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Mức nước (cm) thực đo và dự báo trên, Bưởi tại trạm TV Kim Tân, sông Yên tại trạm TV Chuối, Sông Lèn tại TV Lèn.

| Sông | Trạm    | Yếu tố dự báo      | Thực đo  | Dự báo   |          |          |          |      | Mức nước đỉnh lũ | Thời gian xuất hiện |
|------|---------|--------------------|----------|----------|----------|----------|----------|------|------------------|---------------------|
|      |         |                    | 01h/17/9 | 07h/17/9 | 13h/17/9 | 19h/17/9 | 01h/18/9 |      |                  |                     |
| Yên  | Chuối   | H                  | 407      | 380      | 355      | 330      | 305      |      |                  |                     |
|      |         | so sánh với cấp BĐ | >        | >        | >        | <        | >        |      |                  |                     |
|      |         |                    | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ2      |      |                  |                     |
|      |         |                    | 57       | 30       | 5        | 20       |          |      |                  |                     |
| Bưởi | Kim Tân | H                  | 1383     | 1379     | 1365     | 1345     | 1315     | 1385 | 02-4h/18/9       |                     |
|      |         | so sánh với cấp BĐ | >        | >        | >        | >        | >        |      |                  |                     |
|      |         |                    | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3  |                  |                     |
|      |         |                    | 183      | 179      | 165      | 145      | 115      | 185  |                  |                     |
| Lèn  | Lèn     | H                  | 555      | 380      | 355      | 330      | 305      |      |                  |                     |
|      |         | so sánh với cấp BĐ | <        | >        | >        | <        | >        |      |                  |                     |
|      |         |                    | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ3      | BĐ2      |      |                  |                     |
|      |         |                    | 45       | 30       | 5        | 20       | 25       |      |                  |                     |

**Phụ lục 2: Nguy cơ ngập lụt do lũ ở các vùng trũng thấp ven sông**

| <b>TT</b> | <b>Vùng Sông</b> | <b>Vùng ngập</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Mã               | Trung Thành, Trung Sơn, Hồi Xuân, Quý Lương, Điền Lư, Thiết Ống, Cẩm Thạch, Cẩm Tú, Cẩm Thủy, Cẩm Vân, Vĩnh Lộc, Biện Thượng, Quý Lộc, Yên Trường, Yên Định, Định Tân, Định Hòa, Yên Phú, Yên Ninh, Thiệu Quang, Hoàng Giang, Hoàng Lộc, Hoàng Châu, Hoàng Thanh, Đông Tiến, Hàm Rồng, Hạc Thành, Quảng Phú, Nguyệt Viên, Sầm Sơn |
| 2         | Bưởi             | Thạch Quảng, Thạch Bình, Thành Vinh, Kim Tân, Tây Đô, Vĩnh Lộc, Vân Du                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3         | Lèn              | Hà Trung, Hà Long, Tống Sơn, Hoạt Giang, Lĩnh Toại, Triệu Lộc, Đông Thành, Hoa Lộc, Vạn Lộc, Nga Thắng, Nga Sơn, Ba Đình, Nga An, Tân Tiến.                                                                                                                                                                                       |
| 4         | Chu              | Thường Xuân, Tân Thành, Thắng lộc, Lương Sơn, Luận Thành, Xuân Chinh, Vạn Xuân, Lam Sơn, Xuân Hòa, Thọ Xuân, Thọ Lập, Xuân Tín, Xuân Lập, Thiệu Toán, Thiệu Trung, Thiệu Hóa, Thiệu Tiến, Thiệu Quang;                                                                                                                            |
| 5         | Yên              | Nông Cống, Thăng Bình, Trường Văn, Trung Chính, Thắng Lợi, Tượng Lĩnh, Quảng Chính, Quảng Yên, Quảng Ngọc, Ngọc Sơn, Các Sơn, Công Chính.                                                                                                                                                                                         |